

ĐẶC TRƯNG CỦA HÀNH VI NGÔN NGỮ CẦU KHIẾN TRONG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT TIẾNG VIỆT

VŨ NGỌC HOA
(ThS, Cao đẳng Nội vụ Hà Nội)

1. Đặt vấn đề

Dựa vào bốn tiêu chí là đích tại lời, hướng khớp ghép giữa lời và hiện thực, trạng thái tâm lí được thể hiện và nội dung mệnh đề, J.Searle đã phân lập năm loại hành vi ngôn ngữ (HVNN): hành vi biểu hiện, hành vi cầu khiến, hành vi cam kết, hành vi biểu cảm và hành vi tuyên bố. Hành vi ngôn ngữ cầu khiến (HVNNCK) có đích tại lời là đặt người tiếp nhận vào trách nhiệm thực hiện một hành động trong tương lai, hướng khớp ghép hiện thực - lời, trạng thái tâm lí là sự mong muốn người tiếp nhận thực hiện hành động, và nội dung mệnh đề là hành động trong tương lai của người tiếp nhận. Những đặc trưng trên của HVNNCK thể hiện trong ngôn ngữ giao tiếp hằng ngày và tồn tại trong mọi loại văn bản. Tuy nhiên, trong mỗi loại văn bản, HVNNCK có nét đặc thù.

Trong bài viết này, chúng tôi bước đầu tìm hiểu những nét đặc trưng của HVNNCK trong văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) tiếng Việt. “Văn bản quy phạm pháp luật là văn bản do cơ quan nhà nước ban hành hoặc phối hợp ban hành theo thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục được quy định trong Luật này hoặc trong Luật ban

hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, trong đó có quy tắc xử sự chung, có hiệu lực bắt buộc chung, được Nhà nước bảo đảm thực hiện để điều chỉnh các quan hệ xã hội.” (Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật - 2008).

2. Hành vi ngôn ngữ cầu khiến trong văn bản quy phạm pháp luật

2.1. Đặc trưng về cấu trúc trong VBQPPL có sự xuất hiện của HVNNCK bao trùm

Trong VBQPPL, thường có một HVNN bao trùm các HVNN khác tạo nên một hệ thống. HVNN bao trùm có thể là HVNN **biểu hiện** (Ví dụ hành vi **hướng dẫn** trong Thông tư, hành vi **quyết định** trong Quyết định, hành vi **quyết nghị** trong Nghị quyết) hoặc HVNN cầu khiến (Ví dụ hành vi **chỉ thị** trong Chỉ thị). Sự xuất hiện HVNN bao trùm tạo nên đặc trưng nổi bật trong VBQPPL (và các văn bản hành chính thông thường) so với các loại văn bản khác.

HVNN bao trùm có đặc trưng:

- *Có tính cốt lõi:* trong một VBQPPL nào đó, đây là hành vi chủ hướng trong toàn bộ văn bản.

Ví dụ : Hành vi **chỉ thị** trong **Chỉ thị số 05/2007/CT-TTg ngày 02 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc**

tăng cường bảo vệ và phát huy giá trị tài liệu lưu trữ

Để thực hiện nghiêm chỉnh pháp luật về lưu trữ và sớm khắc phục tồn tại, hạn chế nêu trên nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu “Bảo vệ và phát huy giá trị của tài liệu lưu trữ” đề ra trong Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương tại Đại hội X của Đảng, Thủ tướng Chính phủ **chỉ thị**:

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

a) Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến pháp luật về lưu trữ để nâng cao hơn nữa nhận thức về công tác này;

b) (...)

c) (...)

d) (...)

đ) (...)

2. Bộ Nội vụ có trách nhiệm:

a) Tiếp tục nghiên cứu đề xuất hoàn thiện hệ thống pháp luật về lưu trữ; trước mắt xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành Luật Lưu trữ và các văn bản hướng dẫn thi hành; tăng cường phổ biến, thanh tra, kiểm tra việc thi hành pháp luật về lưu trữ tại các cơ quan trung ương và địa phương.

b) (...)

c) (...)

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Chỉ thị này.

Trong VBQPPL trên, HVNNCK **chỉ thị** là HVNN bao trùm trong toàn bộ văn bản. Ba HVNN biểu hiện được thể hiện trong hai phát ngôn ở đầu văn bản và một phát ngôn ở cuối văn bản chỉ có tính chất bổ trợ, nêu

nguyên do và thời gian có hiệu lực của hành vi chỉ thị.

- *Có tính khuôn mẫu*: tức HVNN bao trùm giống nhau trong tất cả các văn bản thuộc cùng một tên loại hoặc cùng một tiểu loại: cách thể hiện giống nhau, vị trí giống nhau. Trong mỗi loại VBQPPL có một hoặc hơn một HVNN bao trùm. Điều này do chức năng của văn bản quy định. Do đó, HVNN bao trùm thường được dùng để đặt tên cho toàn bộ văn bản. Ví dụ: Trong văn bản Quy định có HVNN quy định là HVNN bao trùm, trong văn bản Chỉ thị có HVNN chỉ thị là HVNN bao trùm...

Nguyên nhân tồn tại HVNN bao trùm trong VBQPPL

Như trên đã nói, sự xuất hiện HVNN bao trùm tạo nên đặc trưng nổi bật của HVNN trong VBQPPL so với các loại văn bản khác. Nguyên nhân nào dẫn đến sự có mặt của HVNN bao trùm này? Theo chúng tôi là do đặc trưng của VBQPPL. VBQPPL có tính khái quát, tất cả các tình huống hiện thực, các đối tượng, các nội dung mà nó điều chỉnh nên đã tạo tính vĩ mô của một hành vi ngôn ngữ đặc trưng trong từng loại VBQPPL. Mặt khác, VBQPPL lại phải chính xác, rõ ràng tới từng đối tượng cần điều chỉnh với những nội dung khác nhau nên đã tạo nên một hệ thống HVNN nhỏ trong HVNN bao trùm.

2.2. *Đặc trưng về hiệu lực tại lời của HVNNCK trong VBQPPL tiếng Việt*

- *Tính cường chế cao, tính nghiêm minh*

Khi thực hiện HVNNCK nói chung, người phát ngôn đặt người tiếp nhận vào trách nhiệm thực hiện hành vi nào đó. Trách nhiệm này thuộc về cả phương diện đạo đức và pháp luật. Trong VBQPPL, trách nhiệm

đó của người tiếp nhận có tính pháp lí. Sự thực hiện hành vi này được bảo đảm thi hành bằng pháp luật. Do vậy, trong các VBQPPL, người phát ngôn không chỉ “nhìn thấy trước kết quả nội dung cầu khiến” [5] mà còn “dự tính” cả biện pháp cưỡng chế khi đối tượng thi hành thực hiện hành vi mà pháp luật cấm đoán và không thực hiện hành vi mà pháp luật bắt buộc. Điều này thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

Ví dụ: Luật Giao thông đường bộ quy định:

Cấm vượt xe khi có một trong các trường hợp sau đây:

a) Không bảo đảm các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Trên cầu hẹp có một làn xe;

c) Dưới gầm cầu vượt, đường vòng, đầu dốc và các vị trí khác có tầm nhìn hạn chế;

d) Nơi đường giao nhau, đường bộ giao cắt đường sắt;

đ) Khi điều kiện thời tiết hoặc đường không bảo đảm an toàn cho việc vượt;

e) Xe ưu tiên đang phát tín hiệu ưu tiên đi làm nhiệm vụ.

(Khoản 5 Điều 14 – Luật Giao thông đường bộ)

Trong khi đó, ở ngôn ngữ sinh hoạt hằng ngày, HVNNCK không mang tính cưỡng chế nghiêm ngặt đối với người tiếp nhận. Người tiếp nhận có thể không thực hiện điều được cầu khiến.

- Tính thời hạn

Trong giao tiếp thông thường, hiệu lực tại lời của HVNNCK thường chỉ tồn tại ở thời điểm phát ngôn. Trong VBQPPL, hiệu lực tại lời của HVNNCK phụ thuộc vào hiệu lực pháp lí về thời gian của văn bản. Khi VBQPPL còn hiệu lực pháp lí thì

HVNNCK trong văn bản luôn luôn có hiệu lực tại lời. Hiệu lực pháp lí về thời gian của văn bản quy phạm pháp luật thường rất dài nên hiệu lực tại lời cũng rất dài. Ví dụ: Sắc lệnh của Chủ tịch Chính phủ lâm thời số 18-SL ngày 8 tháng 9 năm 1945 về bãi bỏ ngạch học quan mãi đến ngày 30 tháng 4 năm 1975 mới hết hiệu lực. Còn trong Chỉ thị số 05/2007/CT-TTg ngày 02 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường bảo vệ và phát huy giá trị tài liệu lưu trữ đã dẫn trên đây đến nay vẫn còn có hiệu lực.

- Tác động đồng thời tới nhiều đối tượng

VBQPPL ở Trung ương có hiệu lực pháp lí về không gian rộng (thường trong phạm vi toàn quốc) và thường tác động đến tất cả mọi đối tượng nằm trong lãnh thổ mà VBQPPL đó có hiệu lực về thời gian và không gian. Vì vậy, trong biểu thức ngữ vi của HVNNCK trong Hiến pháp và luật thường không có sự xuất hiện của người tiếp nhận (đối tượng thi hành). Lúc đó cần hiểu đối tượng thi hành là mọi cá nhân và tổ chức trong lãnh thổ Việt Nam.

Ví dụ: *Nghiêm cấm sản xuất, vận chuyển, buôn bán, tàng trữ, sử dụng trái phép thuốc phiện và các chất ma túy khác.*

(Điều 61 - Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992)

Hành vi cấm trên tác động tới mọi cá nhân, tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam.

HVNNCK trong các VBQPPL có thể có hiệu lực tại lời đồng thời với nhiều đối tượng với nhiều nội dung mệnh đề khác nhau. Mỗi đối tượng thực hiện một nội dung cầu khiến nào đó tùy theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

Ví dụ: *Chỉ thị số 05/2007/CT-TTg ngày 02 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường bảo vệ và phát huy giá trị tài liệu lưu trữ đã nêu ở trên có hiệu lực đồng thời với các đối tượng khác nhau với những nội dung mệnh đề (các nhiệm vụ phải thực thi) khác nhau:*

+ *Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ nêu ở a, b, c, d, đ của mục 1;*

+ *Bộ Nội vụ có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ nêu ở a, b, c của mục 2.*

Với sự tác động đồng thời tới nhiều đối tượng với nhiều nội dung mệnh đề khác nhau, để đảm bảo sự mạch lạc, chính xác, biểu thức ngữ vi trong VBQPPL thường có hiện tượng tách các đối tượng thi hành và những nội dung mệnh đề để trình bày riêng biệt.

- *Tính hệ thống và cấp độ*

Hiệu lực tại lời của HVNNCK nào đó trong VBQPPL luôn nằm trong trong hệ thống những hiệu lực của các quy phạm pháp luật. Trong hệ thống các VBQPPL, “mọi văn bản pháp luật khác phải phù hợp với Hiến pháp” (Điều 146 Hiến pháp 1992), VBQPPL của cấp dưới phải phù hợp với VBQPPL của cấp trên. Vì vậy, HVNNCK nào đó trong VBQPPL luôn phải phù hợp với HVNNCK và các HVNN khác trong VBQPPL của cấp trên. Nói cách khác, HVNNCK nào đó trong VBQPPL có giá trị pháp lý thấp hơn phải phù hợp với HVNNCK và các HVNN khác trong VBQPPL có giá trị pháp lý cao hơn. Nếu HVNN trong VBQPPL có giá trị pháp lý thấp hơn không phù hợp với HVNN trong

VBQPPL có giá trị pháp lý cao hơn thì sẽ bị bãi bỏ hoặc sửa đổi.

3. Kết luận

Trong bài viết này, chúng tôi đã xem xét đặc trưng của HVNNCK trong VBQPPL tiếng Việt ở hai phương diện: cấu trúc và hiệu lực tại lời. Về cấu trúc, trong VBQPPL có sự xuất hiện của HVNNCK bao trùm - HVNN có tính chủ hướng trong toàn bộ văn bản và tính khuôn mẫu. Về hiệu lực tại lời, HVNNCK có tính cường chế cao, tính nghiêm minh; tính thời hạn tác động đồng thời tới nhiều đối tượng và có tính hệ thống, tính cấp độ.

Đặc trưng của HVNNCK trong VBQPPL còn có thể xem xét ở các phương diện khác như biểu thức ngữ vi, tính lịch sự...mà chúng tôi sẽ tiếp tục tìm hiểu trong những bài viết khác.

Tài liệu tham khảo

1. Đỗ Hữu Châu (2001), *Đại cương ngôn ngữ học*, Tập 2, Ngữ dụng học, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
2. Nguyễn Thiện Giáp (2000), *Dụng học Việt ngữ*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
3. Lê Hùng Tiến (1999), *Một số đặc điểm của ngôn ngữ văn bản luật pháp tiếng Việt* (có so sánh đối chiếu với tiếng Anh và ứng dụng trong dịch Việt – Anh), Luận án Tiến sĩ Ngữ văn Đại học Quốc gia Hà Nội.
4. Trường Đại học Luật Hà Nội (2007), *Giáo trình lý luận nhà nước và pháp luật*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
5. Lê Đình Tường (2003), *Các yếu tố ngữ nghĩa của phát ngôn cầu khiến đích thực*, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn Đại học Quốc gia Hà Nội.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 01-10-2009)